

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2021/DS-ST

Ngày 21/9/2021

V/v “T/c HDDS vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thanh Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Xuân Dệt và bà Doãn Thị Lệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Ngày 21 tháng 9 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 269/2020/TLST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2021/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 121/2021/QĐST-DS ngày 01 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Y, sinh năm 1991.

Địa chỉ: 25A đường C, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Bị đơn: Chị Phan T, sinh năm 1992

Địa chỉ: 51 đường S, tổ 9, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 10 năm 2020, bản tự khai ngày 24 tháng 11 năm 2020, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn chị Hoàng Y trình bày:

Giữa tôi và chị Phan T có mối quan hệ quen biết, trước đây có làm ăn chung với nhau. Do cần tiền đầu tư làm ăn nên ngày 31/3/2020 chị T có vay của tôi số tiền 57.800.000 đồng, vay không có lãi. Chị T hẹn mỗi tháng trả cho tôi 3.500.000đồng, nếu có tiền sẽ trả nhiều hơn. Thời gian bắt đầu trả từ ngày 07 đến 10/6/2020 trở đi. Tôi đã nhiều lần đòi nợ nhưng chị T vẫn không trả.

Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị T phải trả cho tôi số tiền còn nợ là 57.800.000đồng (Năm mươi bảy triệu tám trăm ngàn đồng) và không yêu cầu tính lãi số tiền trên.

Tại bản tự khai đề ngày 04/11/2020, bị đơn chị Phan T trình bày:

Ngày 21/10/2020 tôi có nhận được thông báo thụ lý vụ án về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” của chị Hoàng Y. Sau đây tôi xin trình bày ý kiến của mình: Số tiền chị Y cung cấp là 57.800.000đồng trong giấy mượn tiền là

tôi có ký tên vào giấy mượn. Nhưng số tiền này đã cộng thêm lãi vào chứ không phải là giấy vay mượn ban đầu. Trước đây tôi và chị Y có hợp tác kinh doanh shop quần áo Yami Store ở địa chỉ 25A đường C, thành phố P. Số tiền hai bên đầu tư cho shop tính đến thời điểm ngưng đầu tư là mỗi bên 100.000.000đồng (số tiền này chưa tính lợi nhuận về doanh thu trong quá trình kinh doanh), hiện tại tôi chưa nhận bất kỳ khoản nào cho việc chia tài sản shop khi hai bên ngưng hợp tác. Vì vậy tôi yêu cầu chị Y phải hoàn trả cho tôi số tiền tương ứng trên sau khi bàn giao lại shop cho chị Y. Số tiền yêu cầu chị Y phải trả lại cho tôi khi đầu tư shop quần áo là 120.000.000đồng, sau khi trừ đi khoản vay 57.800.000đồng thì còn lại là 62.200.000đồng.

Tại đơn yêu cầu phản tố đề ngày 05/5/2021, bị đơn chị Phan T trình bày: Trước đây tôi và chị Y có hợp tác kinh doanh shop quần áo Yami Store ở địa chỉ 25A đường C, thành phố P, Gia Lai. Số tiền hai bên đầu tư cho shop tính đến thời điểm ngưng đầu tư là mỗi bên 100.000.000đồng. Từ lúc hợp tác kinh doanh đến nay chị Y chưa trả cho tôi bất kỳ khoản tiền nào sau khi hai bên ngưng hợp tác. Toàn bộ shop này do chị Y trực tiếp quản lý nên toàn bộ giấy tờ sổ sách chị Y đang giữ. Nay chị Y khởi kiện yêu cầu tôi phải trả số tiền nợ vay theo giấy mượn nợ ngày 31/3/2020 với số tiền là 57.800.000đồng, tôi có ý kiến như sau: Tôi yêu cầu chị Y phải thanh toán cho tôi số tiền mà tôi đã đầu tư cho shop YaMi Store là 100.000.000đồng, trừ cho số tiền 57.800.000đồng. Tôi yêu cầu chị Y phải trả cho tôi số tiền là 42.200.000đồng. Tôi không yêu cầu phải tính lợi nhuận doanh thu của shop từ lúc bắt đầu đến lúc kết thúc. Nhưng phải trả lại đầy đủ khoản đầu tư ban đầu của tôi bỏ góp vốn vào shop.

Tòa án đã thụ lý đối với yêu cầu phản tố của bị đơn vào ngày 26/5/2021. Quá trình Tòa án triệu tập bị đơn đến các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, mặc dù đã được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn vẫn không đến Tòa án để làm việc đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu phản tố của bị đơn. Do vậy, Tòa án đã ra Quyết định đình chỉ đối với yêu cầu phản tố của bị đơn Phan T.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn đã được Tòa án tiến hành thủ tục triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Chị Hoàng Y khởi kiện yêu cầu chị Phan T có địa chỉ tại 51 đường S, tổ 9, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai phải trả cho chị Y số tiền nợ gốc là 57.800.000đồng và không yêu cầu tính tiền nợ lãi. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản, được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Chị Hoàng Y là người khởi kiện nên tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn. Chị Phan T là người bị kiện nên tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn là chị Phan T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về yêu cầu khởi kiện: Nguyên đơn là chị Hoàng Y khởi kiện yêu cầu bị đơn là chị Phan T phải trả cho chị Y số tiền nợ gốc là 57.800.000đồng (Năm mươi bảy triệu tám trăm ngàn đồng) và không yêu cầu tính tiền nợ lãi.

Tại đơn trình bày về việc bị mất chứng cứ là giấy mượn tiền bản gốc cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Hoàng Y trình bày: sau khi photo giấy mượn tiền ra 01 bản để nộp kèm đơn khởi kiện cho Tòa án thì nguyên đơn mang chứng cứ là bản gốc về nhà cất, đến nay Tòa án có yêu cầu chị mang chứng cứ gốc nêu trên để giao nộp cho Tòa án thì mới phát hiện là đã bị thất lạc. Tuy nhiên chị Y cho rằng, quá trình Tòa án giải quyết vụ án thì bị đơn Trang vẫn thừa nhận nợ và còn có yêu cầu phản tố để đòi trừ nghĩa vụ với nguyên đơn, do vậy chị Y vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Xét thấy, tại “Giấy mượn tiền” đề ngày 31/3/2020 (bản photocopy) do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án kèm theo hồ sơ khởi kiện thể hiện nội dung: ngày 31/3/2020 chị Phan T có mượn của chị Hoàng Y số tiền 57.800.000 đồng. Chị Thửa mỗi tháng sẽ trả cho chị Y số tiền là 3.500.000đồng, nếu có tiền sẽ trả nhiều hơn. Thời gian bắt đầu trả từ ngày 07 đến 10/6/2020 trở đi. Giấy mượn tiền này có chữ ký của các bên và người làm chứng ký tên Phạm H. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn Phan T đã nộp bản tự khai, cũng như có đơn yêu cầu phản tố với nội dung: bị đơn thừa nhận có nợ của nguyên đơn số tiền 57.800.000 đồng, đúng như giấy mượn tiền mà nguyên đơn khởi kiện. Tuy nhiên, bị đơn cho rằng giữa bị đơn và nguyên đơn có hợp tác góp vốn để kinh doanh shop quần áo Yami Store ở địa chỉ 25A đường C, thành phố P, Gia Lai. Số tiền hai bên đầu tư cho shop tính đến thời điểm ngưng đầu tư là mỗi bên 100.000.000đồng. Toàn bộ shop này do nguyên đơn là chị Y trực tiếp quản lý nên giấy tờ, sổ sách nguyên đơn giữ. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền còn nợ theo giấy mượn tiền đề ngày 31/3/2020 với số tiền là 57.800.000đồng, bị đơn có yêu cầu nguyên đơn phải cản trừ như sau: $100.000.000\text{đồng} - 57.800.000\text{đồng} = 42.200.000\text{đồng}$. Mặc dù có yêu cầu phản tố để cản trừ nghĩa vụ với nguyên đơn, nhưng sau khi Tòa án thụ lý yêu cầu phản tố thì bị đơn vẫn cố tình không đến Tòa án để tham gia các phiên họp, phiên hòa giải theo thông báo của Tòa án. Do vậy, Tòa án đã ra Quyết định đình chỉ việc giải quyết vụ án số 45/2021/QĐST-DS ngày 03/8/2021 vì lý do bị đơn có yêu cầu phản tố đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Hội đồng xét xử xét thấy, tuy chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp có tại hồ sơ vụ án là bản photocopy, nhưng quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án thì bị đơn vẫn thừa nhận có nợ nguyên đơn số tiền 57.800.000đồng. Bị đơn còn khai rằng thực chất số tiền trên là đã cộng tiền nợ lãi, nhưng bị đơn không đưa ra được chứng cứ để chứng minh. Ngoài ra, bị đơn còn có yêu cầu phản tố để cản trừ nghĩa vụ đối với nguyên đơn nhưng lại cố tình trì hoãn nhiều lần việc đến Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Điều này chứng tỏ sự việc mượn

tiền giữa các bên là có thật. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận chứng cứ do nguyên đơn đã cung cấp.

Xét thỏa thuận mượn tiền giữa nguyên đơn là chị Hoàng Y với bị đơn là chị Phan T là hợp đồng dân sự về việc vay tài sản, được giao kết tự nguyện và hợp pháp nên phát sinh hiệu lực. Do chị T vi phạm thỏa thuận, không trả nợ theo cam kết nên yêu cầu của chị Y là có căn cứ, được chấp nhận. Hội đồng xét xử tuyên buộc bị đơn là chị Phan T phải trả cho nguyên đơn là chị Hoàng Y số tiền còn nợ là 57.800.000đồng (Năm mươi bảy triệu tám trăm ngàn đồng).

Về nợ lãi: nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí:

- Bị đơn Phan T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.890.000đồng (*Hai triệu tám trăm chín mươi ngàn đồng*). Nguyên đơn được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí là 1.445.000đồng (*Một triệu bốn trăm bốn mươi lăm ngàn đồng*).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hoàng Y.

Buộc chị Phan T phải trả cho chị Hoàng Y số tiền là 57.800.000đồng (*Năm mươi bảy triệu tám trăm ngàn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2]. Về án phí:

- Bị đơn Phan T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.890.000đồng (*Hai triệu tám trăm chín mươi ngàn đồng*).

- Hoàn trả lại cho chị Hoàng Y số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.445.000đồng (*Một triệu bốn trăm bốn mươi lăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0005639 ngày 21/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Riêng bị

đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự và và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- VKSND tp. P;
- Chi cục THADS tp. P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đoàn Thị Thanh Hà